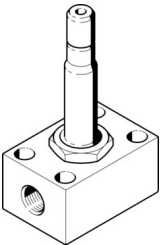


# **Van điện từ** **MCH-3-1/8** Số bộ phận: 2199

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 3/2 đóng đơn ổn định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 160 l/ph                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Áp suất vận hành                                           | 0 MPA...0.7 MPA<br>0 bar...7 bar                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Van đĩa với lò xo hồi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Chiều rộng định mức                                        | 2.5 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Nút ghi đè                                                 | khớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 13 ms                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 12 ms                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 110 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>110 V DC: 12,7 W<br>120 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>12 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>12 V DC: 11,7 W<br>220 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>220 V DC: 15,0 W<br>240 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>240 V DC: 17,9 W<br>24 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>24 V DC: 11,0 W<br>380 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>42 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>42 V DC: 12,0 W<br>48 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA<br>96 V DC: 11,0 W |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-C1-L                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -40 °C...100 °C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| Đặc tính                       | Giá trị        |
|--------------------------------|----------------|
| Nhiệt độ trung bình            | -10 °C...60 °C |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -5 °C...40 °C  |
| Kiểu gắn                       | với lỗ xuyên   |
| Cổng nối khí nén 1             | G1/8           |
| Cổng nối khí nén 2             | G1/8           |
| Cổng nối khí nén 3             | G1/8           |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS  |